TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Bản án số: 345/2017/HC-PT Ngày 22 - 11 - 2017 V/v khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Huỳnh Thanh Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264 /2017/TLPT-HC ngày 31 tháng 8 năm 2017 về việc "Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 616/2017/QĐ - PT ngày 25 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1962.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Mai Văn T, sinh năm 1957 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 134, Đường K, khóm 4, phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Thanh H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền số 180/GUQ-UBND ngày 12/9/2016).

Địa chỉ: Số 12, đường 30/4, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Trung Ngay, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Quốc Lộ 30, xã An Bình, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Thanh T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lăng Minh N - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S (Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2017);

(có văn bản xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 530, đường S1, khóm 5, phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện - bà Bùi Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện trình bày: Do việc Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã S và chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp, chủ tịch UBND thị xã S đã ban hành một số các văn bản làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà nên bà D yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp hủy các Quyết định như sau:

- Quyết định số 107/QĐ.UB.XDCB ngày 19/03/2001 của Ủy ban nhân dân thị xã S.

- Quyết định số 305/QĐ-UBND-HC ngày 22/6/2007 của Ủy ban nhân dân thị xã S.

- Quyết định số 159/QĐ-XPHC ngày 04/4/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S.

- Quyết định số 46/QĐ-CCHC ngày 03/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S.

- Quyết định số 149/QĐ.UBND-HC ngày 25/8/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S.

- Quyết định số 05/QĐ.UBND-HC ngày 08/02/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S (V/v giải quyết khiếu nại quyết định 305/QĐ-UBND-HC ngày 22/6/2007 của Ủy ban nhân dân thị xã S)

- Quyết định số 375/QĐ.UBND-HC ngày 11/05/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Công văn số 01/UBND-TCD ngày 06/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bà D còn yêu cầu các bên bị kiện bồi thường thiệt hại những khoản như sau:

Vốn đầu tư vào cơ sở sản xuất kinh doanh khoảng 500.000.000 đồng, xây cất 03 miệng lò, 05 trại lợp tole, 02 trại ngói và số vật liệu để phục vụ cho lò gạch.

Phần thiệt hại về lợi nhuận 7.000.000 đồng/tháng, trong thời gian 8 năm là: 672.000.000 đồng. Trong thời gian bị đình chỉ 8 năm lò gạch xuống cấp hư hỏng khoảng 164.000.000 đồng.

Bà D trình bày chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện như sau:

Đối với Quyết định số 107, 108/QĐ.UB.XDCB ngày 19/3/2001 của Ủy ban nhân dân thị xã S là trái với Quyết định số 12 ngày 28/01/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Công văn chỉ đạo số 09 ngày 08/01/2001 của Sở Xây dựng và Sở Công nghiệp tỉnh Đồng Tháp và cố ý làm trái Tờ trình số 05 ngày 26/02/2001 của Phòng Nông nghiệp thị xã S.

Thông báo số 27/TB-UB ngày 30/10/2003 của Ủy ban nhân dân thị xã S buộc cơ sở kinh doanh của bà di dời vô cụm dân cư xã Đ, xã Q để thỏa thuận người dân ở nơi đó mua đất làm cơ sở sản xuất kinh doanh là không có cơ sở pháp lý, là trái với khoản 2 Điều 37 Luật Môi trường, cố ý làm trái với Điều 1 và Điều 2 của Quyết định số 107, 108 ngày 19/3/2001 của Ủy ban nhân dân thị xã S.

Đối với Quyết định số 305/QĐ-UBND-HC ngày 22/6/2009 của Ủy ban

nhân dân thị xã S là trái với khoản 2 Điều 37 Luật Môi trường, cố ý làm trái theo Điều 1 và Điều 2 của Quyết định số 107, 108/QĐ.UB.XDCB ngày 19/03/2001 của Ủy ban nhân dân thị xã S.

Công văn số 01 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đồng tình với Quyết định số 159/QĐ-XPHC ngày 04/4/2008 của Ủy ban nhân dân thị xã S về việc xử phạt trong lĩnh vực môi trường là không có cơ sở pháp lý, trái với biên bản kiểm tra về môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp ngày 23/12/2004.

Đối với Quyết định số 46/QĐ.CCHC ngày 03/4/2009 của Ủy ban nhân dân thị xã S về việc cưỡng chế để thực hiện theo Quyết định số 159 ngày 04/4/2008 là trái với biên bản kiểm tra về môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp ngày 23/12/2004.

Không đồng tình với các Quyết định trên, bà khiếu nại nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S ban hành Quyết định số 149/QĐ.UBND-NĐ ngày 25/8/2010 bác khiếu nại của bà là không có cơ sở pháp lý. Sau đó, bà khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và được chuyển đơn của bà về Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S giải quyết theo thẩm quyền và ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND-NĐ ngày 08/02/2011, hai quyết định này không khác nhau và không có cơ sở pháp lý.

Bà D không đồng ý tiếp tục khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 375 ngày 11/5/2011 giải quyết khiếu nại là không có cơ sở pháp lý.

Công văn số 01 ngày 06/01/2016 đồng tình với Quyết định số 375 ngày 11/05/2011 và các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S là hoàn toàn không có cơ sở pháp lý và gây thiệt hại cho bà.

Người bị kiện trình bày:

[1] Ủy ban nhân dân thị xã S, chủ tịch UBND thị xã S (nay là thành phố S)

Các căn cứ để Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là thành phố S) ban hành các quyết định.

- Ủy ban nhân dân thị xã S ban hành Quyết định số 107/QĐ.UB.XDCB ngày 19/03/2001 căn cứ vào Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 1994; Nghị định số 91 ngày 17/8/1994 của Chính phủ về việc ban hành điều lệ quản lý quy hoạch đô thị; Quyết định số 12/2000 ngày 28/01/2000 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phân cấp chủ đầu tư quy hoạch thẩm quyền phê duyệt quy hoạch và thành phần hồ sơ quy hoạch trung tâm xã, khu dân cư tập trung, chợ xã; Công văn 09 ngày 08/01/2001 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp về việc thỏa thuận quy hoạch lò gạch xã Đ; Tờ trình 05 ngày 26/02/2001 của Phòng Công nghiệp thị xã về việc xin phê duyệt quy hoạch xây dựng khu lò gạch xã Đ; Đề nghị số 153 ngày 14/03/2001 của Phòng Xây dựng và quản lý đô thị.

Ủy ban nhân dân thị xã S ban hành Quyết định số 305 ngày 22/6/2007 căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Khoản 2 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005; Quyết định số 107, 108 ngày 19/03/2001 về việc phê quyệt quy hoạch khu lò gạch xã Đ và xã Tân Quy Tây.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S ban hành Quyết định 159 ngày 04/4/2008 căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002; Điều 11 Nghị định số 81 ngày 09/8/2006 của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Phiếu kết quả số 03 ngày 21/3/2008 của Trung tâm quan trắc kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường; Biên bản vi phạm hành chính ngày 27/3/2008; Đề nghị số 65 ngày 31/3/2008 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S ban hành Quyết định số 46 ngày 03/4/2009 căn cứ Điều 66 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002; Điều 4 và Điều 20 Nghị định số 37 ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính.

Ủy ban nhân dân thị xã S ban hành Quyết định 149 ngày 25/8/2010 căn cứ Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998; Luật sửa đổi, bổ sung Luật khiếu nại, tố cáo năm 2004, Luật sửa đổi, bổ sung luật khiếu nại, tố cáo năm 2005; Nghị định số 136 ngày 14/11/2006 của Chính phủ; Luật Bảo vệ môi trường năm 2005; Nghị định số 80 ngày 09/8/2006 của Chính phủ; Nghị định số 21 ngày 28/02/2008 của Chính phủ.

Nay Ủy ban nhân dân thị xã S (thành phố S) yêu cầu giữ nguyên các Quyết định số 107, Quyết định số 305, Quyết định số 159, Quyết định số 46, Quyết định số 149 và Quyết định số 05. Không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của người khởi kiện.

[2] N*gười bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trình bày:*

Thực hiện theo Quyết định số 115/QĐ-TTg ngày 01/08/2001 của Thủ

tướng Chính phủ quy định về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng Việt Nam năm 2010.

Ngày 19/3/2001, Ủy ban nhân dân thị xã S ban hành các Quyết định số 107, 108/QĐ.UBND.XDCB phê duyệt quy hoạch lò gạch xã Đ và xã Q, đồng thời ban hành Thông báo số 27/TB-UB ngày 30/10/2003 để các cơ sở sản xuất gạch ngói di dời khỏi khu dân cư để vào khu quy hoạch sản xuất gạch ngói đến hết ngày 31/12/2005. Trong đó, có cơ sở sản xuất gạch ngói Đức Thành 5 của Bà Bùi Thị D không chấp hành di dời, tiếp tục hoạt động sản xuất, mặc dù Ủy ban nhân dân thị xã S đã gia hạn thời gian theo Quyết định số 305/QĐ-UBND-HC ngày 22/6/2007 (thời gian di dời đến ngày 30/9/2007).

Ngày 04/4/2008, Ủy ban nhân dân thị xã S ban hành Quyết định số 159/QĐ.XPHC xử phạt vi phạm hành chính với hành vi thải khí thải ra môi trường vượt tiêu chuẩn cho phép. Bà Bùi Thị D vẫn không chấp hành.

Ngày 03/4/2009, Ủy ban nhân dân thị xã S ban hành Quyết định số 46/QĐ-CCHC cưỡng chế hành chính buộc bà D thực hiện đúng quyết định xử phạt vi phạt hành chính. Bà D vẫn không di dời cơ sở và khiếu nại Quyết định số 305/QĐ-UBND-HC ngày 22/6/2007 của Ủy ban nhân dân thị xã S.

Ngày 08/02/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND-NĐ bác đơn khiếu nại của Bà Bùi Thị D, bà D không thống nhất, tiếp tục khiếu nại.

Ngày 11/5/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 375/QĐ-UBND-HC, chuẩn y Quyết định số 05/QĐ-UBND-NĐ ngày 08/02/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S là phù hợp với các quy định của pháp luật tại thời điểm ban hành.

Nay, Bà Bùi Thị D khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định 375/QĐ-UBND-HC ngày 11/5/2011 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp là không có căn cứ pháp luật. Bởi vì quyết định nêu trên được ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật khiếu nại, tố cao và Quyết định số 1131/2008/QĐ-TTCP ngày 18/6/2008 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc ban hành mẫu văn bản trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cao; đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 (nay là Điều 68 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014).

Từ những cơ sở trên, đề nghị giữ nguyên Quyết định số 375/QĐ-UBND-HC ngày 11/5/2011 và Công văn số 01/UBND-TCD ngày 06/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2017/HC-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 32, Khoản 1 Điều 116, Khoản 1 Điều 158, Khoản 2 Điều 173, Điều 193 và Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 3, Điều 24, Điều 25, Điều 27 và Khoản 2 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005; Khoản 1 Điều 20 và Khoản 2 Điều 23 Luật khiếu nại, tố cáo đã được sửa đổi, bổ sung năm 2004 và năm 2005; Điều 10, Khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 29, Điều 55, Điều 56, Điều 66, Khoản 1 Điều 67 và Điều 69 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và đã được sửa đổi bổ sung năm 2007 và năm 2008; Khoản 2 Điều 2, Khoản 1 Điều 4, Điều 20 Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Điều 12 và Điều 14 của Nghị định 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật khiếu nại, tố cáo; Điểm b Khoản 2 Điều 3, Khoản 2 Điều 11, Điểm a và Điểm d Khoản 24 Điều 11 Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

Căn cứ vào Điều 34 Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử đối với Quyết định số 107/QĐ.UB.XDCB ngày 19/03/2001 của Ủy ban nhân dân thị xã S về việc phê duyệt quy hoạch khu lò gạch xã Đ, thị xã S.

- Bác khởi kiện của bà Bùi Thị D (ủy quyền cho ông Mai Văn T) về việc yêu cầu hủy Quyết định số 305/QĐ-UBND-HC ngày 22/6/2007 của Ủy ban nhân dân thị xã S, Quyết định số 159/QĐ-XPHC ngày 04/4/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, Quyết định số 46/QĐ-CCHC ngày 03/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, Quyết định số 149/QĐ.UBND-NĐ ngày 25/8/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, Quyết định số 05/QĐ.UBND-NĐ ngày 08/02/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, Quyết định số 375/QĐ.UBND-HC ngày 11/05/2011 và Công văn 01/UBND-TCD ngày 06/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của bà Bùi Thị D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/8/2017, người khởi kiện bà Bùi Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Bùi Thị D không rút đơn kháng cáo và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: sửa án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định hành chính theo yêu cầu khởi kiện của bà tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Phía người bị kiện, do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày tranh luận: ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D về việc yêu cầu hủy Quyết định nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Xét về nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng để phán xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ đúng pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị D giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự được thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nhận định, đánh giá chứng cứ và phán quyết của bản án sơ thẩm:

Căn cứ yêu cầu trình bày của các đương sự và các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện: Để hạn chế việc gây ô nhiễm môi trường từ các lò nung sản xuất gạch ngói trên địa bàn thị xã S (nay là thành phố S). Ủy ban nhân dân thành phố S đã ban hành Quyết định số 107 về việc phê duyệt quy hoạch khu lò gạch xã Đ. Trong đó, quy hoạch 15 ha bố trí sản xuất tập trung cho các cơ sở gạch ngói mở rộng quy mô sản xuất, hạn chế tác động môi trường và hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước. Ngày 30/10/2003, Ủy ban nhân dân thành phố S có Thông báo số 27 về việc di dời các cơ sở gạch ngói trên địa bàn S xác định thời gian di dời đến hết ngày 31/12/2005, trong đó có cơ sở sản xuất gạch Đức Thành 5 của bà Bùi Thị D. Ngày 23/12/2004, Đoàn kiểm tra môi trường đã lập biên bản đối với cơ sở của bà D, đến ngày 27/6/2006 Đoàn kiểm tra tiếp tục lập biên bản vận động cơ sở bà D tập trung vào cụm sản xuất theo quy hoạch, theo biên bản này thì bà D đã thống nhất với Thông báo số 27, xin gia hạn thời gian di dời đến hết quý 1/2007, đồng thời bà Bùi Thị D còn làm cam kết sẽ ngưng hoạt động hoặc thực hiện di dời. Ngày 24/7/2006 Ủy ban nhân dân thành phố S có Công văn số 140/UB-KT nội dung gia hạn thời gian di dời có các cơ sở sản xuất đến ngày 30/12/2006, Ủy ban nhân dân tiếp tục lập biên bản đối với bà D ngày 14/11/2006 và bà D cũng cam kết không đốt lò nung sau ngày 30/12/2006. Tuy vậy, nhưng tới ngày 22/6/2007, Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định 305 về việc gia

hạn thời gian di dời cơ sở sản xuất gốm, gạch ngói nung, có nội dung: "Gia hạn thời gian cho các công ty, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân có các cơ sở sản xuất gốm, gạch ngói nung còn đang hoạt động trên địa bàn thị xã S (có danh sách kèm theo quyết định) di dời vào khu quy hoạch đã được duyệt như: Cụm sản xuất gạch ngói xã Q, Cụm sản xuất gạch ngói xã Đ nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường (trừ các cơ sở sản xuất gốm, gạch ngói nung nằm trong quy hoạch xây dựng khu công nghiệp C mở rộng thuộc xã Tân Khánh Đông đã có Quyết định bồi thường, giải tỏa). Thời gian gia hạn từ ngày 30/6/2007 đến hết ngày 30/9/2007. Quá thời hạn nêu trên, nếu công ty, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân không tự nguyện di dời các cơ sở sản xuất gốm, gạch ngói nung vào các các cụm sản xuất đã được quy hoạch nêu trên thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật". Bà D nhận Quyết định 305 ngày 28/6/2007, đồng thời ngày 30/10/2007 khi Đoàn kiểm tra việc thực hiện Quyết định 305 làm việc đối với cơ sở của bà D thì cơ sở đã ngưng hoạt động và cam kết ngưng hoạt động vĩnh viễn.

Như vậy, trước và sau khi ban hành Quyết định 305, Ủy ban nhân dân thành phố S đã nhiều lần tổ chức kiểm tra, vận động cơ sở của bà D và bà D đã cam kết nhiều lần cơ sở của bà sẽ di dời hoặc ngưng hoạt động là đúng với quy định tại Điều 24, Điều 25, Điều 27 và Khoản 2 Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2005.

Tuy nhiên, ngày 18/3/2008 Đoàn kiểm tra việc thực hiện Quyết định 305, phát hiện cơ sở của bà D chưa ngưng hoạt động mà tiếp tục đốt lò nung nên đã lập biên bản, đồng thời Trung tâm quan trắc kỹ thuật Tài nguyên Môi trường, thuộc Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đồng Tháp tiến hành lấy mẫu không khí tại cơ sở bà D để thử nghiệm. Sau khi có kết quả thử nghiệm, xác định cơ sở của bà D thải bụi ra môi trường vượt tiêu chuẩn quy định nên ông Nguyễn Trọng T - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố S đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Bùi Thị D - Chủ lò gạch Phước Thành 5, do đã có hành vi thải khí thải ra môi trường vượt tiêu chuẩn cho phép từ hai lần đến dưới năm lần trong trường hợp lưu lượng khí thải nhỏ hơn 5.000m^3/giờ, căn cứ vào biên bản trên ngày 04/4/2008 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 159 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với bà Bùi Thị D, với hình thức xử phạt chính: Phạt tiền với mức phạt là 2.000.000 đồng; Hình phạt bổ sung: Tước giấy phép môi trường trong thời hạn 180 ngày và Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bà D thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường do vi phạm hành chính. Lý do: Đã có hành vi vi phạm hành chính: Thải bụi vượt tiêu chuẩn môi trường. Quyết định 159 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S là đúng với quy định tại Khoản 2 Điều 11; Điểm a và Điểm d Khoản 24 Điều 11 Nghị định 81/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Sau khi nhận được Quyết định 159 bà D không chấp hành nộp phạt nên ngày 03/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 46 để cưỡng chế thi hành Quyết định số 159, áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá là đúng quy định theo Điểm b Khoản 1 Điều 66 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và đã được sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2008; Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Do ngày 24/6/2009, bà D tự nguyện nộp phạt tại Kho bạc nên ngày 23/11/2009 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Công văn số 349/UBND-NC xếp hồ sơ thi hành quyết định cưỡng chế hành chính đối với bà Bùi Thị D là đúng quy định của pháp luật.

Ngày 19/01/2009, bà Bùi Thị D ủy quyền cho ông Mai Văn T khiếu nại Quyết định 305 và Quyết định 159.

Tuy nhiên, sau khi Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định 305 qua nhiều lần vận động, thuyết phục thì có nhiều cơ sở sản xuất đã ngưng hoạt động hoặc di dời vào cụm sản xuất để đảm bảo quy hoạch và môi trường nhưng chỉ có cơ sở sản xuất của bà D là không chấp hành mà vẫn tiếp tục hoạt động, làm ảnh hưởng môi trường nên bị xử phạt vi phạm hành chính. Từ đó, ngày 09/3/2009 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S đã ban hành Công văn số 50/UBND-NC, Quyết định số 149 và Quyết định số 05 giải quyết khiếu nại của bà D với nội dung: Bác đơn khiếu nại của bà Bùi Thị D là đúng với quy định của pháp luật.

Ngày 11/5/2011 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định 375/QĐ-UBND-HC giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà D với nội dung: Chuẩn y Quyết định số 05 và Công văn 01 ngày 06/01/2016 trả lời đơn khiếu nại của bà D và khẳng định lại Quyết định số 375/UBND-HC ngày 11/5/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành đúng là có căn cứ pháp luật.

Xét yêu cầu về việc đòi bồi thường thiệt hại của người khởi kiện Tòa sơ thẩm nhận định: "bà D đã biết được chủ trương của địa phương về việc di dời các cơ sở sản xuất gạch từ khi có Thông báo số 27 ngày 30/10/2003, từ đó đến năm 2006 cơ sở của bà D đã nhiều lần cam kết ngưng hoạt động hoặc chuyển đổi ngành nghề khác và đã ngưng hoạt động sản xuất gạch ngói, nhưng do bà không di dời vào cụm sản xuất gạch ngói theo chủ trương của địa phương". Hơn nữa các quyết định hành chính của UBND thị xã S và UBND tỉnh Đồng Tháp bị bà D khởi kiện đề nghị hủy không được chấp nhận. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của bà D là có căn cứ đúng qui định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các chứng cứ và làm rõ những tình tiết trong vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử

cấp phúc thẩm chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bà Bùi Thị D, giữ nguyên án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Bùi Thị D phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Bộ luật Tố tụng hành chính năm 2015;

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Bùi Thị D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử đối với Quyết định số 107/QĐ.UB.XDCB ngày 19/03/2001 của Ủy ban nhân dân thị xã S về việc phê duyệt quy hoạch khu lò gạch xã Đ, thị xã S.

- Bác khởi kiện của bà Bùi Thị D (ủy quyền cho ông Mai Văn T) về việc yêu cầu hủy Quyết định số 305/QĐ-UBND-HC ngày 22/6/2007 của Ủy ban nhân dân thị xã S, Quyết định số 159/QĐ-XPHC ngày 04/4/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, Quyết định số 46/QĐ-CCHC ngày 03/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, Quyết định số 149/QĐ.UBND-NĐ ngày 25/8/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, Quyết định số 05/QĐ.UBND-NĐ ngày 08/02/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, Quyết định số 375/QĐ.UBND-HC ngày 11/05/2011 và Công văn 01/UBND-TCD ngày 06/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của bà Bùi Thị D.

- Về án phí: Bà Bùi Thị D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm và 52.080.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 52.280.000 đồng nhưng được khấu trừ 200.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 032488 ngày 23/5/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Bà D còn phải nộp thêm 52.080.000 đồng.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: bà Bùi Thị D phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ theo biên lai thu số 17270 ngày 07/8/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Bà D không phải nộp thêm.

Những phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Đình Thanh **Tô Chánh Trung** **Phạm Thị Duyên**